

và về 150km nữa). Như vậy số kilômét thực sự đi được ( $250\text{km} + 150\text{km} = 400\text{km}$ ) tăng nhiều so với mức bình thường ( $250\text{km}$ ), do đó tiền phụ cấp hao mòn xe tháng 7 của ông B cần được tính lại theo mức  $400\text{km}$  là  $4d00$  (tính cả theo đường loại 1, vì trong tháng đi nhiều trên loại đường này).

— Cũng trường hợp ông B nói trên, mức phụ cấp khoán tháng đã được nhận định là  $2d50$  một tháng. Nhưng trong tháng 8, vì đau yếu và nghỉ phép nên chỉ đi khoảng  $100\text{km}$ ; như vậy cơ quan trả phụ cấp hao mòn xe tháng 8 cho ông B theo mức  $100\text{km}$ :  $1d00$  một tháng (chứ không trả  $2d50$  như mọi tháng).

4. Ông D có xe đạp tư dùng đi công tác, đang hưởng mức phụ cấp tháng  $4d90$  (trung bình  $300\text{km}$  đường loại 2). Nhưng ngay từ đầu tháng 6, ông D không đi công tác như bình thường hàng tháng, mà tham gia đoàn kiểm tra đi các địa phương cho đến hết tháng, tính ra số kilômét đã đi trong tháng 6 là  $420\text{km}$  đường loại 2. Phụ cấp hao mòn xe được tính như sau (không linh phụ cấp tháng nữa):

$$0d025 \times 420 = 10d50.$$

Từ tháng 7 trở đi, nếu ông D lại dùng xe đạp tư đi công tác ở mức độ bình thường như trước đã nhận định, thì lại tiếp tục trả phụ cấp hao mòn xe theo mức khoán cũ ( $4d90/\text{tháng}$ ).

5. Trên chặng đường từ A đến B dài  $70\text{km}$  chỉ có ô-tô-ca chạy buổi tối. Ông X được cơ quan cử đi công tác bằng xe đạp tư ban ngày. Chi phí cho ông X thanh toán như sau?

#### Nếu đi bằng ô-tô-ca:

— Vé người	$1d75$	
— Cước phí xe đạp (cơ quan cho phép mang theo)	$0d60$	
— Phụ cấp đi đường :	$0d008 \times 70 = 0d56$	

#### Nếu đi bằng xe đạp tư:

— Phụ cấp đi đường :	
$0d02 \times 70 = 1d40$	
— Phụ cấp hao mòn xe đạp tư (đường loại 1): $0d015 \times 70 = 1d05$	

Số tiền hưởng đi bằng xe đạp tư thấp hơn khi đi ô tô, như vậy ông X được thanh toán như khi đi ô tô (linh  $2d91$ ).

Nhưng nếu ông X đã linh phụ cấp hao mòn xe theo mức khoán tháng, thì trong trường hợp đi công tác như trên chỉ linh phụ cấp đi đường  $1d40$  mà thôi, vì số tiền hưởng thêm không đáng bao nhiêu mà tính toán lại phức tạp.

6. Đồng chí V làm nhiệm vụ tiếp phẩm cho nhà ăn, hàng ngày dùng xe đạp tư chuyên chở thực phẩm từ các chợ xa về, trung bình chở nặng từ  $15$  đến  $25\text{kg}$ . Đồng chí V đang hưởng phụ cấp hao mòn xe khoán tháng  $4d90$  (mức

300km đường loại 2), ngoài ra còn được tính thêm phụ cấp hao mòn xe về phần chuyên chở là :

$$\frac{4d90 \times 30}{100} = 1d47$$

Như vậy, định mức phụ cấp tháng về hao mòn xe tư cho đồng chí V là :  $4d90 + 1d47 = 6d37$ .

7. Ông K trưởng ty văn hóa tỉnh A, đi công tác về Hà-nội bằng xe máy tư (đường dài  $58\text{km}$ ) và có đèo thêm một cán bộ của ty cũng cùng đi công tác về Hà-nội.

Hai người ra đi lúc 19 giờ và đến nơi lúc 23 giờ. Hôm sau hai người trở về A cũng bằng xe máy vào giờ giấc như trên.

Các khoản phụ cấp trong khi đi công tác của ông K và cán bộ đi theo được thanh toán như sau :

#### Phần ông K:

— Phụ cấp đi đường :

$$0d01 \times (58 + 58) = 1d16$$

— Phụ cấp hao mòn xe máy  
tư (có đèo thêm người đi công tác) :

$$(0d05 + 0d015) \times 116 = 7d54$$

#### Phần cán bộ đi theo :

— Phụ cấp đi đường :  $0d01 \times (58 + 58) = 1d16$

$$0d01 \times (58 + 58) = 1d16$$

99672861

## BỘ THỦY LỢI

### CHỈ THỊ số 01-TL/CT ngày 2-1-1968 về công tác đội thủy lợi trong năm 1968.

Năm 1967, công tác xây dựng đội thủy lợi phải tiến hành trong hoàn cảnh ở nhiều nơi có chiến tranh phá hoại ác liệt hơn, nhưng nói chung các tinh đều cố gắng về bồi sung người, trang bị công cụ sản xuất và chi đạo tăng năng suất lao động, nên phong trào ở nhiều nơi đã giữ được thể ồn định và về số lượng và chất lượng của đội cũng được tăng cường hơn trước. Về công cụ sản xuất được phát triển nhiều hơn và số đội được trang bị công cụ cải tiến cũng được tăng lên, do đó năng suất lao động trên một số ít công trường và một số đội vượt được định mức 726. Việc xây dựng đội thủy lợi nâng lên trình độ tập trung và chuyên môn hóa cũng đã có một số tinh bước đầu tập trung được một số đội viên. Trong phong trào có một số tinh đã cố gắng vươn lên như Thái-bình, Lạng-sơn, Tuyên-quang, v.v... ; một số tinh vẫn giữ được phong trào như Hải-dương, Hòa bình, Ninh-bình, v.v... song cũng còn một số tinh phong trào tiến bộ chậm.

Bên cạnh những tiến bộ nói trên, trong phong trào vẫn còn một số khuyết điểm và nhược điểm như có nhiều tinh không đạt được chỉ tiêu của

Bộ về công tác xây dựng đội thủy lợi trong năm 1967, ở đồng bằng còn khoảng 20% và ở miền núi còn 78% số hợp tác xã chưa có đội. Rất nhiều tinh không thực hiện được chi tiêu đưa 2/3 số đội đăng ký phần dấu trở thành đội lao động tiên tiến, số đội có tờ đăng hoặc chi bộ mới đạt khoảng 15% và còn 1/3 số đội không có đảng viên làm nòng cốt. Về trang bị công cụ cải tiến còn 45% số đội chưa có, do đó nhiều đội lèn công trường không đạt định mức 726. Việc chấp hành chế độ, chính sách và công tác giáo dục chính trị, tư tưởng làm chưa tốt nên số đội kém ở các tinh đồng bằng còn chiếm 37%. Việc sử dụng và quản lý lực lượng đội, trên công trường chưa chặt, gây nhiều lãng phí, làm ảnh hưởng đến tăng năng suất lao động và việc cung cấp tò chúc đội. Việc xây dựng đội thủy lợi nâng lên trình độ tập trung và chuyên môn hóa ở nhiều tinh chưa làm, nên không nắm chắc được thực lực, ảnh hưởng đến việc huy động nhân lực phục vụ cho đông xuân năm 1967—1968.

Nguyên nhân của những tồn tại trên, trước hết về lãnh đạo thì ở nhiều huyện và xã chưa nhận thức được sâu sắc về yêu cầu nhân lực của thời chiến, chưa quán triệt được quan điểm lao động của Đảng, nên thiếu tích cực chăm lo đến công tác xây dựng đội thủy lợi. Về chấp hành chính sách, nhất là chính sách nghĩa vụ dân công, chính sách công diêm và chính sách lương thực ở nhiều tinh làm chưa tốt gây nên tình trạng suy tị, thắc mắc giữa nơi làm nhiều, nơi làm ít, nơi không làm. Về tò chúc bộ máy chuyên trách, từ tinh đến huyện và công trường, chưa được tăng cường, nhiệm vụ chúc năng chưa rõ ràng, cán bộ thiểu và yếu. Việc quản lý cán bộ chỉ huy đội, nhất là đối với cán bộ đội trưởng, chưa có chế độ, nhiều nơi còn thay đổi luân nên không ổn định tò chúc.

Năm 1968 là năm mở đầu của kế hoạch 3 năm 1968—1970, có một vị trí rất quan trọng, khối lượng công tác thủy lợi cũng rất lớn, đòi hỏi phải huy động hàng 50 triệu ngày công của nhân dân với điều kiện phải nâng cao năng suất lao động hơn trước thì mới hoàn thành được. Về xây dựng thì phải thực hiện tốt phương châm xây dựng các công trình «dứt diêm, đồng bộ» để kịp thời đưa vào phục vụ sản xuất. Mặt khác, phải đẩy mạnh việc thi hành tốt các nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ về công tác quản lý lao động, nhằm nâng cao hơn nữa năng suất lao động, tiết kiệm nhân lực, phục vụ cho nhu cầu của sản xuất và chiến đấu thắng lợi. Đề đáp ứng được những yêu cầu này, trong hoàn cảnh năm 1968 ở miền Bắc tình hình thiên tai và chiến tranh phá hoại có thể ác liệt hơn, chúng ta cần phải ra sức phát huy mọi thành quả và khắc phục những tồn tại về công tác đội thủy

lợi năm 1967, tích cực thực hiện tốt những công tác dưới đây:

1. Nhiệm vụ chung của các tinh đồng bằng trong năm 1968 phải tò chúc được ở mỗi hợp tác xã có một đội thủy lợi, mỗi tinh phải tập trung quản lý được từ 1.500 đến 2.000 đội viên, mỗi huyện phải tập trung quản lý được từ 500 đến 1.000 đội viên, mỗi đội viên phải được trang bị tối thiểu một công cụ cải tiến, cán bộ đội phải được kiện toàn và huấn luyện hết để đạt năng suất lao động bình quân từ 150% trở lên so với định mức 726. Đối với miền núi, ở vùng thấp, mỗi hợp tác xã có điều kiện phải có một đội thủy lợi, ở vùng giữa phải có 50% số hợp tác xã có điều kiện có đội thủy lợi và tò chúc được một số đội ở các huyện vùng cao, để làm thủy lợi nhỏ của địa phương và phục vụ một phần cho các công trường của Nhà nước, số đội viên lên công trường phải được trang bị đầy đủ công cụ sản xuất và có 1/2 số công cụ cải tiến để đạt được năng suất lao động bình quân từ 120% trở lên.

2. Để thực hiện được nhiệm vụ nói trên, trong năm 1968, ngoài những biện pháp do Bộ đề ra trước đây, các tinh cần phải chú trọng làm tốt những công tác cụ thể sau đây:

a) Kết hợp với công tác 3 quản làm chuyên biển thêm một bước về nhận thức tư tưởng cho các cấp và các hợp tác xã, từ đó mà đẩy mạnh công tác cung cấp và phát triển đội thủy lợi. Đặc biệt phải làm nhanh và gọn công tác tập trung lực lượng đội ở tinh và huyện. Mặt khác, phải coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng làm cho mỗi cán bộ, nhất là cán bộ công trường, quán triệt sâu sắc về quan điểm lao động của Đảng, thực hiện tốt khâu quản lý lao động, tiết kiệm sức dân, tạo mọi điều kiện cần thiết về xây dựng lực lượng tập trung và chuyên môn hóa ở tinh và huyện để nắm chắc được thực lực và nâng cao được năng suất lao động.

b) Tăng cường công tác quản lý và cải tiến tò chúc lao động ngày càng hợp lý ở trên tất cả các công trường của địa phương. Muốn vậy tinh và huyện phải có biện pháp cụ thể chỉ đạo các công trường về các mặt tò chúc và quản lý kế hoạch lao động, kế hoạch ngày công, giờ công, theo dõi bố trí hiện trường tạo mọi điều kiện cần thiết giúp cho các đội thủy lợi tăng năng suất lao động. Ở mỗi tinh cần chọn một công trường chỉ đạo riêng để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Ở huyện có nhiều công trường cũng làm như tinh. Khen thưởng thích đáng đối với công trường nào làm tốt công tác quản lý lao động, đồng thời có thái độ xử lý kịp thời đối với những công trường nào do thiếu trách nhiệm mà gây nên lãng phí sức lao động.

c) Thực hiện tốt các chính sách, nhất là chính sách nghĩa vụ dân công, chính sách công diêm, chính sách lương thực và một số chính sách khác. Các tinh cần chăm dứt tình trạng thi hành chính sách nghĩa vụ dân công không công bằng gây nên suy til giữa nơi làm nhiều, nơi làm ít, hoặc có nơi không làm. Đối với chính sách công diêm thì cần thi hành đúng thông tư số 1 của Liên bộ Nông nghiệp — Thủy lợi, khắc phục tình trạng có nơi giải quyết quá cao, nơi giải quyết quá thấp. Về chính sách lương thực, cần đảm bảo cho đội viên lên công trường có đủ mức ăn 21 kg lương thực 1 tháng. Giải quyết đúng đắn các chính sách này và thực hiện tốt một số chính sách khác tức là tạo điều kiện cho đội thủy lợi tăng năng suất lao động. Vì vậy, các tinh và huyện cần di sâu kiểm tra rút kinh nghiệm chỉ đạo chặt chẽ việc chấp hành chế độ và chính sách ở trên công trường cũng như ở hợp tác xã.

d) Đầy mạnh việc trang bị và hướng dẫn sử dụng, bảo quản tốt công cụ sản xuất. Yêu cầu đến cuối năm 1968 bình quân 2 đội viên có 3 công cụ sản xuất, trong đó số công cụ cải tiến chiếm 1/2. Hướng trang bị công cụ sản xuất là tinh và huyễn có trách nhiệm trang bị cho lực lượng đội thủy lợi tập trung, thích hợp với từng hiện trường và luôn cải tiến công cụ thích nghi với sức khỏe của đội viên, nhất là đối với chị em phụ nữ để tăng năng suất lao động. Các công trường phải làm tốt công tác hướng dẫn sử dụng và quản lý tốt các loại công cụ được trang bị. Ngoài việc Nhà nước trang bị cần làm tốt công tác động viên phong trào quần chúng tự chế tự trang để phục vụ kịp thời cho yêu cầu sản xuất.

e) Thực hiện tốt công tác huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ chỉ huy đội và xây dựng chế độ quản lý cán bộ chỉ huy đội thủy lợi. Đào tạo đội ngũ cán bộ đội giỏi về chuyên môn, khả về quản lý lao động tức là tạo điều kiện tốt cho việc xây dựng đội thủy lợi tăng năng suất lao động. Các tinh cần có biện pháp cụ thể để đến cuối năm 1968 huấn luyện xong chương trình sơ cấp cho toàn bộ cán bộ đội. Đồng thời với việc tổ chức huấn luyện bồi dưỡng cán bộ cần tranh thủ bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ thuật nghiệp vụ cho đội viên bằng hình thức tọa đàm hoặc kèm cặp trong lao động. Tinh cần có chỉ thị quy định cụ thể về công tác quản lý cán bộ chỉ huy đội, nhất là cán bộ đội trưởng để bảo đảm ổn định tổ chức đưa phong trào xây dựng đội thủy lợi giỏi một việc, biết nhiều việc.

f) Đầy mạnh phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước trong các đội thủy lợi với nội dung

là tăng năng suất lao động không ngừng. Hiện nay, phong trào này đang được phát huy ngày càng sâu rộng trên các mặt đăng ký phấn đấu trở thành đội thủy lợi lao động xã hội chủ nghĩa, tự trang tự chế công cụ sản xuất, kết nghĩa giúp đỡ lẫn nhau giữa các đội khá và kém, v.v... đã có tác dụng tốt đến việc xây dựng đội thủy lợi có năng suất lao động cao. Các tinh cần nắm lấy phong trào đó mà đầy mạnh hoàn thành các chỉ tiêu của Bộ năm 1968. Trong chỉ đạo cần làm tốt công tác bồi dưỡng chiến sĩ thi đua và anh hùng lao động, tờ đội lao động xã hội chủ nghĩa và tiên tiến, nhằm phát huy mọi tinh hoa tốt đẹp của phong trào để kích thích tăng năng suất lao động.

g) Kiện toàn tổ chức chuyên trách đội thủy lợi của ty và huyện, xây dựng chế độ chức trách cho tờ chức đó. Hiện nay, trong một số tinh đã được bố trí tương đối có đủ cán bộ làm việc, ở những nơi này phong trào xây dựng đội thủy lợi có nhiều kết quả tốt. Năm 1968 ở những tinh số cán bộ còn quá ít và những huyện chưa có cán bộ chuyên trách cần được kiện toàn thành một bộ phận trong phong lao động của ty. Đồng thời, phải chuyên môn hóa bộ máy công trường và ở các công trường cần có đủ cán bộ làm công tác lao động tiền lương, xác định rõ trách nhiệm giữa hợp tác xã và công trường đối với việc tờ chức và quản lý đội thủy lợi.

Nhận được thi chỉ này, Bộ yêu cầu các Ủy ban hành chính tinh, thành phố trực thuộc trung ương và các ty, sở thủy lợi kiêm diêm, liên hệ vào địa phương mình, đề ra các biện pháp cụ thể chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện. Quá trình thực hiện cần thường xuyên, làm cho mọi người nhất là đối với lãnh đạo các ngành, các cấp trong tinh thấy được tầm quan trọng và vị trí, yêu cầu của công tác nhân lực trong năm 1968, phát huy được nhiệt tình công tác và đề cao được tinh thần trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ làm tốt công tác tờ chức quản lý động viên và bồi dưỡng lực lượng lao động, tạo mọi điều kiện cho đội thủy lợi tăng năng suất lao động nhằm tiết kiệm được sức lao động nhiều nhất. Ty thủy lợi phải tờ chức hướng dẫn thực hiện và chủ động phối hợp với các ngành có liên quan; đồng thời từng quý có sơ kết việc thực hiện, báo cáo kết quả về Bộ.

Hà-nội, ngày 2 tháng 1 năm 1968

K.T. Bộ trưởng Bộ Thủy lợi

Thứ trưởng

PHAN MỸ